

BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH  
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐUỖ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ VÒNG 2 XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2394/QĐ-HĐTĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Nhân dân Gia Định)

| STT                      | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ      | Chuyên ngành  | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển       |
|--------------------------|-----------------------|------|-------|------|-------------------------|---------------|---------------|-----------------------|-----------------------|
| VỊ TRÍ BÁC SĨ (HẠNG III) |                       |      |       |      |                         |               |               |                       |                       |
| 1                        | Phan Nguyễn Hoàng My  | 26   | 11    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 2                        | Trần Thị Cẩm Tú       | 11   | 06    | 1988 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Lão Khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 3                        | Nguyễn Hồ Hữu Phú     | 26   | 12    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 4                        | Nguyễn Như Nhật Vy    | 02   | 03    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 5                        | Nguyễn Minh Dũng      | 20   | 11    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 6                        | Lê Thị Hạnh           | 05   | 03    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 7                        | Phạm Tuyên            | 23   | 09    | 1994 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 8                        | Nguyễn Thị Ngọc Yến   | 01   | 06    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tim mạch     |
| 9                        | Nguyễn Thúy Quỳnh     | 09   | 01    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa | Bác sĩ hạng III       | Khoa Hồi sức tim mạch |
| 10                       | Lê Quang Trường       | 04   | 02    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Hồi sức tim mạch |
| 11                       | Đỗ Nhật Huy           | 11   | 04    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Hồi sức tim mạch |
| 12                       | Nguyễn Thị Thiên Thảo | 30   | 09    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiêu hóa     |
| 13                       | Phạm Công Hậu         | 17   | 02    | 1993 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiêu hóa     |
| 14                       | Nguyễn Thị Thùy Na    | 24   | 02    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiêu hóa     |

| STT | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ      | Chuyên ngành                | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                  |
|-----|-----------------------|------|-------|------|-------------------------|---------------|-----------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| 15  | Trần Huy Minh Hằng    | 22   | 05    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tiêu hóa                |
| 16  | Nguyễn Thị Bình       | 04   | 10    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiêu hóa                |
| 17  | Phạm Thị Minh Thuận   | 13   | 11    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội tiêu hóa                |
| 18  | Trương Hoàng Bảo Kim  | 27   | 01    | 1992 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ y đa khoa            | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiết - Thận             |
| 19  | Nguyễn Ngọc Yến Vy    | 07   | 11    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa               | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiết - Thận             |
| 20  | Nguyễn Thị Diệu Huyền | 13   | 09    | 1993 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiết - Thận             |
| 21  | Nguyễn Trần Mỹ Thanh  | 11   | 12    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiết - Thận             |
| 22  | Phạm Hữu Bình         | 06   | 02    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Tiết - Thận             |
| 23  | Quách Hữu Minh        | 26   | 10    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa               | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội hô hấp                  |
| 24  | Nguyễn Thành Luân     | 02   | 07    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội hô hấp                  |
| 25  | Phạm Việt Thắng       | 26   | 09    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ y đa khoa            | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội hô hấp                  |
| 26  | Trần Minh Huy         | 01   | 12    | 1995 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội hô hấp                  |
| 27  | Võ Thị Kim Cương      | 16   | 09    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa               | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Cơ xương khớp           |
| 28  | Nguyễn Y Như Ngọc     | 02   | 01    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Cơ xương khớp           |
| 29  | Trần Vũ Thái Huy      | 09   | 05    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Cơ xương khớp           |
| 30  | Nguyễn Cẩm Tú         | 10   | 06    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Lão Khoa                    | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội Cơ xương khớp           |
| 31  | Nguyễn Ngọc Thạch     | 18   | 04    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Hồi sức cấp cứu             | Bác sĩ hạng III       | Khoa Hồi sức tích cực- chống độc |
| 32  | Trần Điền Tú          | 09   | 01    | 1992 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Hồi sức cấp cứu - chống độc | Bác sĩ hạng III       | Khoa Hồi sức tích cực- chống độc |
| 33  | Trần Nguyễn Uyên Nhi  | 23   | 09    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa               | Bác sĩ hạng III       | Khoa Lão                         |
| 34  | Nguyễn Thị Thái       | 03   | 03    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa               | Bác sĩ hạng III       | Khoa Lão                         |

| STT | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ        | Chuyên ngành                 | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                 |
|-----|-----------------------|------|-------|------|-------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| 35  | Lê Thị Nguyên Thu     | 07   | 04    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Lão                        |
| 36  | Nguyễn Đắc Thanh Long | 10   | 11    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Lão                        |
| 37  | Nguyễn Thị Thúy Duy   | 06   | 07    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Nội khoa                     | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tim mạch can thiệp         |
| 38  | Nguyễn Quang Minh     | 25   | 12    | 1995 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ         | Nội khoa                     | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tim mạch can thiệp         |
| 39  | Nguyễn Quốc Thái      | 17   | 12    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Lồng ngực - mạch máu |
| 40  | Phú Đăng Khoa         | 31   | 03    | 1995 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Lồng ngực - mạch máu |
| 41  | Trần Lê Bảo Châu      | 29   | 07    | 1992 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa II, | Ngoại lồng ngực              | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Lồng ngực - mạch máu |
| 42  | Lưu Thanh Phương      | 03   | 07    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu     |
| 43  | Nguyễn Công Thành     | 15   | 06    | 1994 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu     |
| 44  | Nguyễn Duy Tuấn Kiệt  | 26   | 02    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Ngoại tổng quát              | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại tổng hợp (cơ sở 2)   |
| 45  | Nguyễn Văn Cao        | 01   | 01    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Ngoại khoa                   | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại tổng hợp (cơ sở 2)   |
| 46  | Thái Khánh Phát       | 07   | 05    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Bác sĩ nội trú  | Ngoại tổng quát              | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại tổng hợp (cơ sở 2)   |
| 47  | Trần Nhật Duy         | 07   | 02    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Tiêu hóa             |
| 48  | Cao Chí Tâm           | 17   | 11    | 1995 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Ngoại tổng quát              | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Tiêu hóa             |
| 49  | Nguyễn Hoàng Anh Khoa | 24   | 06    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Ngoại khoa                   | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Tiêu hóa             |
| 50  | Nguyễn Công Thành     | 11   | 02    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Ngoại khoa                   | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Gan mật tụy          |
| 51  | Đỗ Hồng Quân          | 11   | 01    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Ngoại khoa                   | Bác sĩ hạng III       | Khoa Ngoại Gan mật tụy          |
| 52  | Đào Duy Tín           | 29   | 10    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ         | Ngoại Chấn thương chỉnh hình | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |
| 53  | Trần Bảo Châu         | 01   | 08    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học         | Bác sĩ Y khoa                | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |
| 54  | Võ Phan Minh Hiếu     | 30   | 08    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I   | Chấn thương chỉnh hình       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |

| STT | Họ và tên              | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ      | Chuyên ngành       | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                           |
|-----|------------------------|------|-------|------|-------------------------|---------------|--------------------|-----------------------|-------------------------------------------|
| 55  | Lê Ngọc Minh Trí       | 09   | 03    | 1990 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Ngoại khoa         | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tổng hợp                             |
| 56  | Nguyễn Thị Quỳnh Như   | 23   | 11    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Da Liễu            | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tổng hợp                             |
| 57  | Lê Trần Thùy Trang     | 12   | 12    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tổng hợp                             |
| 58  | Huỳnh Nền Thơ          | 14   | 06    | 1995 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Da Liễu            | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tổng hợp                             |
| 59  | Nguyễn Thị Quỳnh Như   | 07   | 08    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tổng hợp                             |
| 60  | Nguyễn Bá Ngọc Thảo    | 07   | 10    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tổng hợp                             |
| 61  | Tạ Văn Lâm             | 10   | 07    | 1990 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Da Liễu            | Bác sĩ hạng III       | Khoa Tổng hợp                             |
| 62  | Phạm Thế Thẩm          | 08   | 09    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Gây mê hồi sức                       |
| 63  | Nguyễn Quang Vũ        | 24   | 04    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Gây mê hồi sức     | Bác sĩ hạng III       | Khoa Gây mê hồi sức                       |
| 64  | Lê Đình Nguyên Anh     | 23   | 09    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Gây mê hồi sức                       |
| 65  | Bùi Thọ Việt Tiến      | 11   | 07    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Phẫu thuật tim                       |
| 66  | Võ Phạm Tường Vy       | 01   | 09    | 1994 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y đa khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Phẫu thuật tim                       |
| 67  | Nguyễn Võ Quốc Anh     | 09   | 09    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y Khoa             | Bác sĩ hạng III       | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 68  | Lê Ngọc Đức            | 10   | 12    | 1991 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Phục hồi chức năng | Bác sĩ hạng III       | Khoa Vật lý trị liệu -Phục hồi chức năng  |
| 69  | Nguyễn Thị Hồng Phúc   | 25   | 09    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nhi khoa           | Bác sĩ hạng III       | Khoa Bệnh lý sơ sinh                      |
| 70  | Phạm Thị Nga           | 11   | 12    | 1994 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nhi khoa           | Bác sĩ hạng III       | Khoa Bệnh lý sơ sinh                      |
| 71  | Nguyễn Thị Phương Thảo | 19   | 10    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y đa khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu                              |
| 72  | Nguyễn Minh Hòa        | 28   | 02    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y Khoa             | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu                              |
| 73  | Lê Trần Minh Hưng      | 16   | 09    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y Khoa             | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu                              |
| 74  | Võ Hồng Đại Phúc       | 17   | 10    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu                              |

| STT | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ      | Chuyên ngành        | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển         |
|-----|-----------------------|------|-------|------|-------------------------|---------------|---------------------|-----------------------|-------------------------|
| 75  | Nguyễn Trần Trung Nam | 14   | 07    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 76  | Nguyễn Hải Liên       | 15   | 09    | 1986 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 77  | Đinh Công Hào         | 09   | 03    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 78  | Lưu Cẩm Tú            | 01   | 11    | 1995 | Bác sĩ điều trị         | Bác sĩ Y khoa | Y Khoa              | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 79  | Đặng Hoàng Sơn        | 28   | 05    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 80  | Trịnh Châu Anh        | 15   | 09    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 81  | Nguyễn Hồng Phúc      | 19   | 02    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 82  | Nguyễn Tấn An         | 08   | 07    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y đa khoa           | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 83  | Nguyễn Hoàng Tấn Lộc  | 25   | 01    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 84  | Đoàn Lê Thảo          | 22   | 05    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 85  | Lê Thị Thảo Trang     | 18   | 04    | 1994 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Cấp cứu            |
| 86  | Trần Lê Thảo Tiên     | 31   | 07    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nhãn khoa           | Bác sĩ hạng III       | Khoa Mắt                |
| 87  | Lê Phương Thảo        | 05   | 12    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Răng Hàm Mặt | Bác sĩ hạng III       | Khoa Răng Hàm Mặt       |
| 88  | Nguyễn Thị Kim Chi    | 04   | 05    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| 89  | Nguyễn Thị Thu Linh   | 19   | 10    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| 90  | Lê Phan Hoàng Kha     | 30   | 09    | 2001 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| 91  | Phạm Đức Tài          | 08   | 04    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| 92  | Nguyễn Thế Anh        | 28   | 05    | 1987 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Chẩn đoán hình ảnh  | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| 93  | Hoàng Hồng Phúc       | 03   | 11    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Chẩn đoán hình ảnh  | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |
| 94  | Đặng Minh Tuấn        | 02   | 12    | 2000 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa       | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |

| STT | Họ và tên               | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ      | Chuyên ngành       | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                       |
|-----|-------------------------|------|-------|------|-------------------------|---------------|--------------------|-----------------------|---------------------------------------|
| 95  | Thái Minh Tâm           | 25   | 07    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 96  | Hồ Tấn Quốc             | 27   | 07    | 1994 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 97  | Nguyễn Thị Như Ý        | 15   | 12    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y đa khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 98  | Phạm Thị Nguyên         | 08   | 02    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Chẩn đoán hình ảnh | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 99  | Trần Ngọc Thiện         | 03   | 04    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Chẩn đoán hình ảnh | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 100 | Phan Cát Tường          | 28   | 01    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Chẩn đoán hình ảnh | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 101 | Trương Phương Thúy      | 19   | 12    | 1995 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Chẩn đoán hình ảnh | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 102 | Nguyễn Thị Tuyết Trinh  | 06   | 08    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Thạc sĩ       | Chẩn đoán hình ảnh | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 103 | Nguyễn Hồng Bảo         | 03   | 11    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Chuyên khoa I      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 104 | Tổng Thị Huyền          | 29   | 10    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 105 | Nguyễn Thị Phương Nhung | 26   | 11    | 1997 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 106 | Phạm Thái Nguyên        | 20   | 12    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 107 | Đặng Nguyễn Ngọc Việt   | 11   | 01    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 108 | Nguyễn Tấn Lộc          | 01   | 04    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 109 | Huỳnh Thị Thương Thương | 01   | 08    | 1999 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 110 | Nguyễn Vũ Đức Tín       | 30   | 11    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 111 | Kiều Quang Vinh         | 17   | 10    | 1992 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Chẩn đoán hình ảnh | Bác sĩ hạng III       | Khoa Chẩn đoán hình ảnh               |
| 112 | Trần Văn Hữu            | 06   | 01    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Xquang can thiệp - Chẩn đoán hình ảnh |
| 113 | Nguyễn Hoàng Cúc        | 23   | 04    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ y khoa      | Bác sĩ hạng III       | Khoa Giải phẫu bệnh                   |
| 114 | Nguyễn Thị Hạ Vi        | 14   | 10    | 1991 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Giải phẫu bệnh     | Bác sĩ hạng III       | Khoa Giải phẫu bệnh                   |

| STT                               | Họ và tên            | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ      | Chuyên ngành           | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                  |
|-----------------------------------|----------------------|------|-------|------|-------------------------|---------------|------------------------|-----------------------|----------------------------------|
| 115                               | Nguyễn Minh Khoa     | 28   | 09    | 1993 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Y Khoa                 | Bác sĩ hạng III       | Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn       |
| 116                               | Trần Triệu Phong     | 17   | 10    | 1994 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn       |
| 117                               | Trần Công Bình       | 10   | 09    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y học cổ truyền | Bác sĩ hạng III       | Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn       |
| 118                               | Nguyễn Trung Kiên    | 16   | 06    | 1987 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Kiểm soát Nhiễm khuẩn       |
| 119                               | Huỳnh Ngọc Tân       | 24   | 07    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Sinh hóa huyết học          |
| 120                               | Nguyễn Hương Giang   | 26   | 05    | 1998 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Sinh hóa huyết học          |
| 121                               | Trần Đức Đạt         | 27   | 02    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Đại học       | Bác sĩ Y khoa          | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |
| 122                               | Vũ Thị Thùy Dương    | 29   | 06    | 1996 | Bác sĩ điều trị         | Chuyên khoa I | Nội khoa               | Bác sĩ hạng III       | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |
| <b>VỊ TRÍ ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III</b> |                      |      |       |      |                         |               |                        |                       |                                  |
| 1                                 | Đỗ Quốc Đạt          | 10   | 05    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Hồi sức tim mạch            |
| 2                                 | Nguyễn Kiều Trúc Vy  | 12   | 11    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Hồi sức tim mạch            |
| 3                                 | Phạm Đình Thụy       | 17   | 05    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Hồi sức tim mạch            |
| 4                                 | Trương Lâm Nhi       | 24   | 06    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội tiêu hóa                |
| 5                                 | Lê Thị Thanh Hạ      | 17   | 10    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội tiêu hóa                |
| 6                                 | Ngô Thị Cẩm Hà       | 08   | 05    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội tiêu hóa                |
| 7                                 | Trương Thị Mai Trang | 21   | 05    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội thần kinh               |
| 8                                 | Hồ Ngọc Hân          | 03   | 02    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội thần kinh               |
| 9                                 | Phạm Hoàng Diệp Thúy | 03   | 10    | 1977 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội tiết - Thận             |
| 10                                | Nguyễn Lý Tường Vi   | 15   | 01    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội tiết - Thận             |
| 11                                | Trần Bình Trọng      | 22   | 10    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội Hô hấp                  |
| 12                                | Huỳnh Mai Quang Huy  | 04   | 10    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học       | Điều dưỡng             | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội Hô hấp                  |

| STT | Họ và tên              | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                 |
|-----|------------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|--------------|-----------------------|---------------------------------|
| 13  | Dương Kim Thanh        | 30   | 06    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội Hô hấp                 |
| 14  | Nguyễn Thị Nga         | 03   | 09    | 1988 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội Hô hấp                 |
| 15  | Phan Thị Huyền Trân    | 22   | 12    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Hô sức tích cực- chống độc |
| 16  | Lê Gia Bảo             | 21   | 08    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Lão                        |
| 17  | Mạch Ngọc Trâm         | 22   | 05    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Lão                        |
| 18  | Vũ Thảo Nguyên         | 22   | 06    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Lão                        |
| 19  | Nguyễn Thị Hoàng Diệu  | 03   | 09    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu     |
| 20  | Lâm Tâm Như            | 13   | 11    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu     |
| 21  | Huỳnh Thị Ngọc Thúy    | 27   | 05    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu     |
| 22  | Nguyễn Thị Thủy Tiên   | 30   | 09    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu     |
| 23  | Lê Thị Anh Thư         | 17   | 09    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại thần kinh            |
| 24  | Nguyễn Tiến Như        | 18   | 09    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Tiêu hóa             |
| 25  | Phan Thị Tuyết Nhi     | 01   | 01    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Tiêu hóa             |
| 26  | Lê Thị Kim Anh         | 01   | 11    | 1995 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Tiêu hóa             |
| 27  | Đào Ngọc Bảo Quỳnh     | 07   | 01    | 1996 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ngoại Gan Mật Tụy          |
| 28  | Hà Kim Ngân            | 15   | 02    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |
| 29  | Nguyễn Thanh Tâm       | 20   | 10    | 1995 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |
| 30  | Lê Hữu Danh            | 01   | 10    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |
| 31  | Nguyễn Văn Thuận       | 28   | 01    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |
| 32  | Nguyễn Đình Trung Kiên | 11   | 10    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Chấn thương chỉnh hình     |
| 33  | Nguyễn Thanh Mỹ Linh   | 26   | 05    | 2003 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Tổng hợp                   |

| STT | Họ và tên            | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành              | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển     |
|-----|----------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|---------------------------|-----------------------|---------------------|
| 34  | Nguyễn Thái Bảo Di   | 27   | 01    | 1996 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Tổng hợp       |
| 35  | Nguyễn Thị Hồng Loan | 10   | 08    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ung bướu       |
| 36  | Lê Huỳnh Nhật Duy    | 30   | 04    | 1992 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ung bướu       |
| 37  | Lê Thị Thu Thảo      | 03   | 08    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Ung bướu       |
| 38  | Nguyễn Thị Kim Ngân  | 28   | 08    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 39  | Võ Nguyễn Phúc An    | 26   | 12    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 40  | Võ Thị Thanh Tú      | 12   | 06    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 41  | Nguyễn Xuân Thanh    | 28   | 02    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng Gây mê hồi sức | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 42  | Đặng Thị Thùy Vân    | 24   | 05    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 43  | Đặng Thị Thủy Hằng   | 02   | 10    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 44  | Nguyễn Thị Loan      | 24   | 10    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 45  | Phạm Thị Quỳnh       | 16   | 03    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 46  | Phan Thị Ngọc Diễm   | 11   | 06    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 47  | Trang Quang Thắng    | 03   | 01    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 48  | Lê Đặng Thùy Nhung   | 02   | 11    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 49  | Nguyễn Khánh Hòa     | 23   | 03    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 50  | Nguyễn Thị Hồng Phúc | 02   | 06    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 51  | Võ Hữu Nam           | 12   | 11    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng Gây mê hồi sức | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 52  | Trương Thị Thảo Vy   | 10   | 06    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 53  | Lâm Sơn Mai Vi       | 24   | 10    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Gây mê hồi sức |
| 54  | Hoàng Lê Linh Trang  | 17   | 02    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng                | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Phẫu thuật tim |

| STT | Họ và tên              | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                  |
|-----|------------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|--------------|-----------------------|----------------------------------|
| 55  | Đặng Thị Tuyết Nhi     | 15   | 09    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Phẫu thuật tim              |
| 56  | Vũ Thị Thanh Mai       | 01   | 01    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Phẫu thuật tim              |
| 57  | Nguyễn Thị Hằng        | 04   | 08    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Phẫu thuật tim              |
| 58  | Phạm Nguyễn Kim Quyên  | 13   | 11    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Phẫu thuật tim              |
| 59  | Thái Nguyễn Kim Triều  | 20   | 06    | 1996 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Cấp cứu                     |
| 60  | Trương Ngọc Thanh Xuân | 22   | 01    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Cấp cứu                     |
| 61  | Phạm Thúy Hằng         | 20   | 11    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Cấp cứu                     |
| 62  | Lê Vy                  | 30   | 10    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Cấp cứu                     |
| 63  | Lý Thanh Trúc          | 24   | 12    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Cấp cứu                     |
| 64  | Trần Thị Thanh Ngân    | 05   | 05    | 1997 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Cấp cứu                     |
| 65  | Nguyễn Thị Kim Ngân    | 22   | 10    | 1992 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Cấp cứu                     |
| 66  | Hoàng Mỹ Huyền         | 05   | 11    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Khám bệnh                   |
| 67  | Hoàng Giang Hậu        | 24   | 06    | 1987 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Khám bệnh                   |
| 68  | Nguyễn Thị Thúy Hằng   | 08   | 03    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Tai Mũi Họng                |
| 69  | Lê Thị Kim Loan        | 15   | 01    | 1979 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn       |
| 70  | Nguyễn Đức Minh        | 05   | 09    | 1988 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |
| 71  | Phạm Thị Quyên         | 02   | 09    | 1993 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |
| 72  | Nguyễn Thị Hoài        | 05   | 03    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |
| 73  | Nguyễn Thị Thanh Loan  | 26   | 10    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |
| 74  | Trương Thị Thanh Tâm   | 12   | 10    | 1995 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |
| 75  | Lương Thị Khánh Chi    | 10   | 01    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng III   | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng |

| STT                              | Họ và tên              | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển             |
|----------------------------------|------------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|--------------|-----------------------|-----------------------------|
| <b>VỊ TRÍ ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV</b> |                        |      |       |      |                         |          |              |                       |                             |
| 1                                | Phan Thị Minh Nguyệt   | 17   | 11    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội tim mạch           |
| 2                                | Nguyễn Hữu Đức Phú     | 11   | 08    | 2003 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Hồi sức tim mạch       |
| 3                                | Nguyễn Thị Hải Yến     | 28   | 12    | 2001 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội tiết - Thận        |
| 4                                | Võ Thị Hồng            | 20   | 06    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội Hô hấp             |
| 5                                | Phan Hồng Cẩm Thảo     | 19   | 11    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội Hô hấp             |
| 6                                | Trịnh Lâm Vy           | 20   | 07    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội cơ xương khớp      |
| 7                                | Nguyễn Thị Ngọc Thúy   | 06   | 08    | 1997 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội cơ xương khớp      |
| 8                                | Hoàng Bảo Nhật Vi      | 13   | 11    | 2003 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Lão                    |
| 9                                | Dương Thị Huyền        | 18   | 08    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Ngoại Thận tiết niệu   |
| 10                               | Nguyễn Thị Cẩm Tiên    | 11   | 11    | 2003 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Ngoại Thận tiết niệu   |
| 11                               | Nguyễn Ngọc Bảo Châu   | 28   | 02    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Ngoại Thận tiết niệu   |
| 12                               | Nguyễn Thị Tuyết Hương | 13   | 11    | 1998 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Ngoại Thận tiết niệu   |
| 13                               | Vũ Ngọc Bích Vân       | 06   | 03    | 1985 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Ngoại Gan Mật Tụy      |
| 14                               | Trần Vũ Thanh Triều    | 29   | 08    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Ngoại Gan Mật Tụy      |
| 15                               | Lê Nguyễn Minh Thu     | 25   | 04    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Ngoại Gan Mật Tụy      |
| 16                               | Nguyễn Thị Ngọc Nhi    | 17   | 04    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Chấn thương chỉnh hình |
| 17                               | Huỳnh Trần Mai Loan    | 01   | 11    | 1996 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Gây mê hồi sức         |
| 18                               | Trần Thị Phúc Ngân     | 21   | 03    | 1985 | Điều dưỡng chăm sóc     | Đại học  | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Gây mê hồi sức         |
| 19                               | Lê Tuyết Mơ            | 07   | 07    | 1998 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Gây mê hồi sức         |
| 20                               | Trần Bảo Nhi           | 05   | 01    | 2000 | Điều dưỡng chăm sóc     | Cao đẳng | Điều dưỡng   | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Gây mê hồi sức         |

| STT                               | Họ và tên           | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển     | Trình độ | Chuyên ngành                | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                           |
|-----------------------------------|---------------------|------|-------|------|-----------------------------|----------|-----------------------------|-----------------------|-------------------------------------------|
| 21                                | Bùi Thị Sen         | 27   | 07    | 1999 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Phẫu thuật Tim                       |
| 22                                | Bùi Thị Ngọc Trang  | 03   | 05    | 2002 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Phẫu thuật Tim                       |
| 23                                | Phan Thanh Hằng     | 01   | 09    | 1992 | Điều dưỡng chăm sóc         | Đại học  | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nhi                                  |
| 24                                | Đặng Thụy Anh Thư   | 28   | 09    | 2003 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Cấp cứu                              |
| 25                                | Đào Thị Hồng        | 15   | 08    | 1985 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Cấp cứu                              |
| 26                                | Nguyễn Thị Thùy Như | 21   | 10    | 1980 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn                |
| 27                                | Trần Thị Trường Hận | 02   | 03    | 1992 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn                |
| 28                                | Lê Thị Hường        | 16   | 05    | 1987 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng          |
| 29                                | Lê Thị Kim Xuyên    | 15   | 07    | 1988 | Điều dưỡng chăm sóc         | Cao đẳng | Điều dưỡng                  | Điều dưỡng hạng IV    | Khoa Nội soi - Thăm dò chức năng          |
| <b>VỊ TRÍ KỸ THUẬT Y HẠNG III</b> |                     |      |       |      |                             |          |                             |                       |                                           |
| 1                                 | Nguyễn Thị Nhung    | 06   | 09    | 1996 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 2                                 | Nguyễn Hoàng Viễn   | 06   | 06    | 1998 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 3                                 | Võ Quỳnh Như        | 19   | 05    | 2003 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Vật lý trị liệu             | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 4                                 | Trần Thị Thu Kiều   | 10   | 10    | 1994 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 5                                 | Nguyễn Thu Hường    | 21   | 06    | 2003 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 6                                 | Trần Hữu Lộc        | 06   | 11    | 1999 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 7                                 | Trần Thị Minh       | 26   | 12    | 1975 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Vật lý trị liệu             | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 8                                 | Trịnh Huyền Linh    | 28   | 04    | 1997 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 9                                 | Nguyễn Quang Vũ     | 02   | 02    | 2002 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học  | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |

| STT | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển     | Trình độ      | Chuyên ngành                | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển                           |
|-----|-----------------------|------|-------|------|-----------------------------|---------------|-----------------------------|-----------------------|-------------------------------------------|
| 10  | Hồ Thị Minh Thư       | 20   | 11    | 2002 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học       | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 11  | Nguyễn An Gia Khánh   | 17   | 07    | 2001 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học       | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 12  | Lê Ngọc Huân          | 19   | 06    | 1996 | Kỹ thuật phục hồi chức năng | Đại học       | Kỹ thuật Phục hồi chức năng | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng |
| 13  | Nguyễn Thiên Phúc     | 24   | 07    | 2000 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Giải phẫu bệnh                       |
| 14  | Phan Võ Hoàng Nhi     | 10   | 10    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Giải phẫu bệnh                       |
| 15  | Trần Kim Anh          | 15   | 03    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Giải phẫu bệnh                       |
| 16  | Phan Duy Tân          | 15   | 01    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Giải phẫu bệnh                       |
| 17  | Trần Thị Thu Hương    | 24   | 08    | 1995 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Xét nghiệm Y học            | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 18  | Trịnh Thị Hồng Vân    | 07   | 02    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 19  | Nguyễn Hoàng Tuấn Anh | 14   | 02    | 1995 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 20  | Trần Thị Kiều Phúc    | 05   | 08    | 1997 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 21  | Trần Huỳnh Triều Tiên | 23   | 08    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 22  | Phan Thị Cẩm Thụy     | 29   | 12    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 23  | Võ Thị Hồng Ngọc      | 20   | 08    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật Xét nghiệm         | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 24  | Lê Ngô Quỳnh Như      | 18   | 07    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Đại học       | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |
| 25  | Bùi Vũ Thúy Hằng      | 03   | 05    | 1983 | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | Chuyên khoa I | Xét nghiệm Y học            | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học                   |

| STT | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển   | Trình độ | Chuyên ngành              | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển         |
|-----|-----------------------|------|-------|------|---------------------------|----------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|
| 26  | Nguyễn Lê Tấn Phát    | 04   | 01    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 27  | Ngô Nguyễn Khánh Châu | 10   | 09    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 28  | Trần Ngọc Huệ Thuy    | 03   | 05    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 29  | Lê Thanh Tú           | 02   | 05    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 30  | Huỳnh Ngọc Minh Thư   | 20   | 02    | 2000 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 31  | Nguyễn Huỳnh Tố Nga   | 05   | 07    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 32  | Lê Thị Huệ            | 21   | 06    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 33  | Phạm Thái Hà          | 17   | 02    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 34  | Nguyễn Ngọc Trinh     | 24   | 01    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 35  | Nguyễn Thanh Ngân     | 04   | 04    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 36  | Nguyễn Phương Huỳnh   | 07   | 06    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 37  | Trần Thành Tài        | 27   | 03    | 1994 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Xét nghiệm Y học          | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 38  | Nguyễn Thị Yến Quỳnh  | 12   | 06    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 39  | Hồ Nguyễn Yến Thuận   | 13   | 07    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 40  | Nguyễn Thanh Trí      | 08   | 06    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 41  | Dương Thị Mỹ Dung     | 30   | 10    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |

| STT | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển   | Trình độ | Chuyên ngành              | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển         |
|-----|-----------------------|------|-------|------|---------------------------|----------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|
| 42  | Lê Thị Kim Tuyền      | 08   | 07    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 43  | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh | 03   | 10    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 44  | Vũ Tiên Phước         | 05   | 07    | 2002 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 45  | Nguyễn Thúy Quỳnh     | 08   | 06    | 2000 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 46  | Nguyễn Thị Minh Anh   | 08   | 06    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 47  | Lê Nguyễn Ngọc Mai    | 03   | 09    | 2003 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 48  | Nguyễn Thị Kim Ngân   | 13   | 09    | 2000 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Thạc sĩ  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 49  | Nguyễn Tiến Đạt       | 20   | 01    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 50  | Võ Thị Thúy           | 20   | 11    | 1992 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 51  | Lữ Thị Khánh Duy      | 13   | 02    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 52  | Nguyễn Võ Nam         | 02   | 07    | 1997 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 53  | Phạm Thị Diễm My      | 03   | 06    | 2000 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 54  | Lê Công Thuận         | 10   | 06    | 1996 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Xét nghiệm Y học          | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 55  | Phan Thị Thùy Linh    | 10   | 02    | 2000 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 56  | Đào Ngọc Hiếu Ngân    | 30   | 09    | 2000 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |
| 57  | Nguyễn Thị Mỹ Dung    | 24   | 02    | 2001 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Đại học  | Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng III   | Khoa Sinh hóa huyết học |



| STT | Họ và tên                | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành             | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển |
|-----|--------------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|--------------------------|-----------------------|-----------------|
| 1   | Trương Thị Thu Dịu       | 19   | 08    | 2002 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 2   | Nguyễn Quang Liêm        | 02   | 04    | 1993 | Dược lâm sàng           | Thạc sĩ  | Dược lý và dược lâm sàng | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 3   | Huỳnh Ngọc Lam Phương    | 21   | 09    | 1999 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 4   | Nguyễn Tăng Danh         | 17   | 02    | 2000 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược lâm sàng            | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 5   | Nguyễn Phúc Dung Nhi     | 04   | 11    | 1999 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 6   | Mai Nguyễn Quốc Cường    | 04   | 08    | 1987 | Dược lâm sàng           | Thạc sĩ  | Dược lý và dược lâm sàng | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 7   | Trần Thị Thu Thảo        | 12   | 04    | 1991 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược                     | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 8   | Tô Phượng Linh           | 25   | 07    | 1993 | Dược lâm sàng           | Thạc sĩ  | Dược lý và dược lâm sàng | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 9   | Lâm Mỹ Doanh             | 01   | 01    | 2001 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 10  | Lê Hồng Tịnh An          | 06   | 01    | 2000 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 11  | Đào Nhiều Thanh Trúc     | 11   | 02    | 1997 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 12  | Hứa Thị Tuyết Trang      | 18   | 03    | 1999 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 13  | Phan Nguyễn Phương Thanh | 03   | 04    | 2003 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 14  | Nguyễn Thị Lan Anh       | 15   | 06    | 1999 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược                     | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 15  | Huỳnh Lê Bảo Sơn         | 01   | 01    | 2002 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 16  | Nguyễn Thuận Nguyên      | 10   | 09    | 2002 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 17  | Nguyễn Thị Như Trang     | 23   | 10    | 1995 | Dược lâm sàng           | Thạc sĩ  | Dược lý và dược lâm sàng | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 18  | Bùi Quang Hiền           | 29   | 03    | 1994 | Dược lâm sàng           | Thạc sĩ  | Dược lý và dược lâm sàng | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 19  | Trần Đoàn Minh Thy       | 29   | 10    | 1999 | Dược lâm sàng           | Đại học  | Dược học                 | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 20  | Phan Triều Tiên          | 26   | 11    | 1994 | Nghiệp vụ dược          | Đại học  | Dược sĩ                  | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 21  | Hà Phước Lộc             | 10   | 03    | 1981 | Nghiệp vụ dược          | Đại học  | Quản lý cung ứng thuốc   | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |



| STT | Họ và tên               | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành           | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển |
|-----|-------------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|------------------------|-----------------------|-----------------|
| 22  | Lê Nguyễn Ngọc Trân     | 01   | 09    | 2001 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Quản lý cung ứng thuốc | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 23  | Nguyễn Hoàng Phương Anh | 17   | 04    | 1999 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 24  | Đỗ Yến Nga              | 09   | 06    | 2002 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 25  | Nguyễn Lê Thanh Trúc    | 25   | 05    | 1984 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược                   | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 26  | Tổng Khánh Dân          | 15   | 07    | 2000 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 27  | Nguyễn Anh Thu          | 11   | 08    | 1999 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 28  | Nguyễn Thị Ngọc Thắm    | 12   | 02    | 2000 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Quản lý cung ứng thuốc | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 29  | Lại Thành Minh          | 24   | 04    | 1993 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Quản lý cung ứng thuốc | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 30  | Nguyễn Lê Bảo Trang     | 23   | 01    | 2002 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 31  | Lê Thị Thanh Thảo       | 17   | 08    | 2000 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 32  | Nguyễn Quang Trí        | 16   | 05    | 2002 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 33  | Đỗ Đức Đạt Ngọc         | 08   | 11    | 1994 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 34  | Bùi Nguyễn Bích Ngọc    | 30   | 11    | 2003 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 35  | Nguyễn Trung Hậu        | 29   | 05    | 1998 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 36  | Phạm Văn Thoại          | 20   | 07    | 1980 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 37  | Dương Thị Mỹ Uyên       | 21   | 01    | 1998 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 38  | Dương Thị Đan Thanh     | 24   | 07    | 1987 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 39  | Trần Thị Tuyết Loan     | 11   | 09    | 1979 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 40  | Phạm Thị Xuân Nở        | 10   | 12    | 2000 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược                   | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 41  | Nguyễn Thị Tú Uyên      | 18   | 09    | 1995 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược                   | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |
| 42  | Hồ Nhã Thu              | 30   | 08    | 2000 | Nghiep vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược       |

| STT                        | Họ và tên              | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành           | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển             |
|----------------------------|------------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| 43                         | Hồ Trọng Nhân          | 10   | 02    | 1994 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược                   |
| 44                         | Nguyễn Như Ngọc Nhân   | 18   | 03    | 1994 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược                   |
| 45                         | Trần Thị Thúy Vy       | 25   | 05    | 1999 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược                   |
| 46                         | Vưu Huỳnh Bảo Luận     | 19   | 03    | 1996 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược                   |
| 47                         | Lưu Thụy Lệ Mai        | 10   | 03    | 2000 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược                   |
| 48                         | Thạch Thị Diễm Phương  | 28   | 09    | 2001 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược sĩ (hạng III)    | Khoa Dược                   |
| 49                         | Nguyễn Võ Thanh Thanh  | 10   | 01    | 1996 | Vật tư thiết bị y tế    | Đại học  | Quản lý cung ứng thuốc | Dược sĩ (hạng III)    | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| 50                         | Vũ Nguyễn Thảo Vi      | 22   | 05    | 1999 | Vật tư thiết bị y tế    | Đại học  | Quản lý cung ứng thuốc | Dược sĩ (hạng III)    | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| <b>VỊ TRÍ DƯỢC HẠNG IV</b> |                        |      |       |      |                         |          |                        |                       |                             |
| 1                          | Mai Xuân Trúc          | 29   | 06    | 1987 | Nghịệp vụ dược          | Cao đẳng | Dược sĩ                | Dược hạng IV          | Khoa Dược                   |
| 2                          | Lê Đình Quế Trân       | 25   | 11    | 2001 | Nghịệp vụ dược          | Cao đẳng | Dược học               | Dược hạng IV          | Khoa Dược                   |
| 3                          | Hoàng Thị Thùy Trinh   | 17   | 11    | 1993 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược hạng IV          | Khoa Dược                   |
| 4                          | Trần Lê Thanh Vân      | 18   | 06    | 1999 | Nghịệp vụ dược          | Đại học  | Dược học               | Dược hạng IV          | Khoa Dược                   |
| 5                          | Lưu Thảo Lan           | 03   | 02    | 1996 | Nghịệp vụ dược          | Cao đẳng | Dược                   | Dược hạng IV          | Khoa Dược                   |
| 6                          | Phạm Thị Cẩm Tiên      | 14   | 11    | 1996 | Nghịệp vụ dược          | Cao đẳng | Dược                   | Dược hạng IV          | Khoa Dược                   |
| 7                          | Nguyễn Võ Thư Thư      | 15   | 03    | 2000 | Nghịệp vụ dược          | Cao đẳng | Dược                   | Dược hạng IV          | Khoa Dược                   |
| <b>DINH DƯỠNG HẠNG III</b> |                        |      |       |      |                         |          |                        |                       |                             |
| 1                          | Nguyễn Ngọc Hoàng Ngân | 17   | 05    | 2002 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng             | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng             |
| 2                          | Nguyễn Minh Tú Anh     | 07   | 08    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng             | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng             |
| 3                          | Nguyễn Trần Khánh Uyên | 11   | 10    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng             | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng             |
| 4                          | Nguyễn Ngọc Tú Quỳnh   | 01   | 05    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng             | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng             |

| STT                       | Họ và tên                | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành                         | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển      |
|---------------------------|--------------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| 5                         | Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên | 25   | 10    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 6                         | Nguyễn Hoàng Ngọc Hân    | 22   | 11    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 7                         | Trần Ngọc Thiên Di       | 06   | 10    | 2002 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 8                         | Mai Lê Thanh Ngọc        | 13   | 12    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 9                         | Nguyễn Lê Hồng Anh       | 03   | 12    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 10                        | Bùi Ngọc Phương Nghi     | 30   | 11    | 2003 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 11                        | Đinh Thị Thu Sương       | 10   | 02    | 2000 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 12                        | Nguyễn Hoàng Yến Nhi     | 14   | 03    | 2001 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| 13                        | Nguyễn Thị Hiếu Nguyên   | 12   | 07    | 2001 | Dinh dưỡng              | Đại học  | Dinh dưỡng                           | Dinh dưỡng hạng III   | Khoa Dinh dưỡng      |
| <b>VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN</b> |                          |      |       |      |                         |          |                                      |                       |                      |
| 1                         | Phạm Thị Hoàng Ngân      | 16   | 05    | 1999 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật                                 | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 2                         | Phan Hà Anh Thư          | 15   | 10    | 2003 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 3                         | Phạm Khánh Duy           | 18   | 09    | 1999 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 4                         | Huỳnh Thị Cẩm Loan       | 31   | 01    | 2002 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật kinh tế                         | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 5                         | Nguyễn Võ Thanh Huyền    | 16   | 03    | 1996 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật kinh tế                         | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 6                         | Trần Điền Trinh          | 02   | 05    | 1998 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Thạc sĩ  | Luật (Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự) | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 7                         | Bùi Minh Tuấn            | 01   | 01    | 1988 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 8                         | Nguyễn Thị Thùy Dung     | 22   | 12    | 1998 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Thạc sĩ  | Quản lý công                         | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 9                         | Lê Văn Điều              | 01   | 01    | 1979 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật kinh tế                         | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 10                        | Thạch Long Phi           | 21   | 01    | 2001 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 11                        | Nguyễn Thị Xuân Thảo     | 13   | 02    | 2000 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Chính trị học                        | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |

| STT | Họ và tên            | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển | Trình độ | Chuyên ngành                     | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển      |
|-----|----------------------|------|-------|------|-------------------------|----------|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| 12  | Nguyễn Ngọc Diễm     | 23   | 08    | 2003 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật                             | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 13  | Trần Quốc Thái       | 02   | 03    | 2003 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật                             | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 14  | Nghiêm Hoàng Sơn     | 13   | 02    | 1999 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật                             | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 15  | Lê Hiền Thương       | 09   | 10    | 2001 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                 | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 16  | Trần Thanh Giang     | 25   | 09    | 2002 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý công                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 17  | Nguyễn Hữu Lê Anh    | 27   | 08    | 1990 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Thạc sĩ  | Luật                             | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 18  | Trần Thùy Linh       | 02   | 07    | 1997 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Xây dựng Đảng và chính quyền nhà | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 19  | Cao Thị Lê Na        | 18   | 08    | 1995 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật                             | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 20  | Hồ Bảo Quân          | 10   | 07    | 1989 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật kinh tế                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 21  | Nguyễn Thị Diễm Hằng | 09   | 10    | 1999 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Xã hội học                       | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 22  | Nguyễn Thị Kim Phụng | 14   | 06    | 2001 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                 | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 23  | NAH RIA Hoàng        | 23   | 03    | 2000 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                 | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 24  | Nguyễn Thị Thu Thủy  | 12   | 05    | 2003 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý công                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 25  | Nguyễn Ý Ngọc        | 26   | 10    | 2002 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật; Quản lý nhà nước           | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 26  | Nguyễn Thị Ngọc Linh | 08   | 02    | 2003 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật                             | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 27  | Vũ Bá Khánh Duy      | 09   | 05    | 1995 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Bảo hiểm                         | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 28  | Nguyễn Thị Cẩm Trinh | 16   | 10    | 1999 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                 | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 29  | Lương Trí Khang      | 14   | 03    | 2001 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Cử nhân xây dựng Đảng và chính   | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 30  | Trần Chi Linh        | 02   | 05    | 1998 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                 | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 31  | Cao Hòa Tiên         | 03   | 09    | 1997 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Luật kinh tế                     | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |
| 32  | Trần Thị An          | 01   | 02    | 1993 | Lĩnh vực tổ chức cán bộ | Đại học  | Quản lý nhà nước                 | Chuyên viên           | Phòng Tổ chức cán bộ |

| STT | Họ và tên               | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển     | Trình độ | Chuyên ngành                          | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển           |
|-----|-------------------------|------|-------|------|-----------------------------|----------|---------------------------------------|-----------------------|---------------------------|
| 33  | Huỳnh Trung Kiên        | 30   | 07    | 1997 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật                                  | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 34  | Nguyễn Ngọc Phương Ngân | 16   | 05    | 1998 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Quản lý nhà nước                      | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 35  | Lê Ngân Hằng            | 11   | 08    | 2002 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật kinh tế                          | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 36  | Đỗ Thị Bích Hạnh        | 07   | 06    | 1995 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Quản trị kinh doanh                   | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 37  | Bùi Thị Thu Xuân        | 26   | 02    | 1995 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật học                              | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 38  | Lê Chí Kiên             | 20   | 10    | 1990 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Quản trị kinh doanh                   | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 39  | Hoàng Nhật Thắng        | 17   | 11    | 1991 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Quản trị kinh doanh                   | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 40  | Bùi Thị Ngọc            | 07   | 03    | 1985 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật học                              | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 41  | Lê Hồng Minh Thu        | 10   | 03    | 2001 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Cử nhân tài chính ngân hàng           | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 42  | Lâm Phước Bình          | 04   | 01    | 1998 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật                                  | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 43  | Nguyễn Châu Thảo Nguyên | 07   | 08    | 2000 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | cử nhân lưu trữ và quản trị văn phòng | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 44  | Nguyễn Thị Phương Anh   | 28   | 02    | 2003 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật                                  | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 45  | Nguyễn Thị Trúc Linh    | 07   | 11    | 1987 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Cử nhân hành chính                    | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 46  | Đỗ Nguyễn Thị Lan Anh   | 11   | 06    | 2000 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Quản trị kinh doanh                   | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 47  | Trần Khánh Nguyên       | 24   | 10    | 1988 | Hành chính văn phòng        | Thạc sĩ  | Quản trị kinh doanh                   | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 48  | Trần Nhật Khánh Linh    | 21   | 10    | 2003 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật                                  | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 49  | Trần Thị Hương          | 02   | 06    | 1991 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật                                  | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 50  | Trương Nghiêm Ngọc Vi   | 04   | 04    | 1983 | Hành chính văn phòng        | Đại học  | Luật                                  | Chuyên viên           | Phòng Hành chính quản trị |
| 51  | Võ Thị Bích Mai         | 14   | 05    | 1994 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Luật kinh tế                          | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội     |
| 52  | Nguyễn Thị Diễm Kiều    | 28   | 12    | 1988 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Thạc sĩ  | Luật kinh tế                          | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội     |
| 53  | Nguyễn Tấn Lộc          | 05   | 09    | 2002 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Công tác xã hội                       | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội     |

| STT | Họ và tên               | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển     | Trình độ | Chuyên ngành                 | Chức danh nghề nghiệp | Đơn vị dự tuyển       |
|-----|-------------------------|------|-------|------|-----------------------------|----------|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 54  | Hồ Trung Tín            | 13   | 12    | 1999 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quản trị kinh doanh          | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 55  | Võ Trần Kim Khánh       | 27   | 12    | 2003 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Công tác xã hội              | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 56  | Trương Thái Nhựt Trường | 07   | 10    | 2001 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quản trị kinh doanh          | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 57  | Phạm Văn Ký             | 05   | 02    | 1981 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Báo chí và truyền thông      | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 58  | Nguyễn Thoại Yến Vy     | 17   | 12    | 2004 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quản trị kinh doanh          | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 59  | Ma Đặng Yến Nhi         | 21   | 10    | 1997 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quốc tế học                  | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 60  | Nguyễn Đăng Khoa        | 26   | 08    | 2002 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Báo chí                      | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 61  | Lê Huỳnh Phát Đạt       | 09   | 01    | 1998 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Công tác xã hội              | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 62  | Nguyễn Thúy Vy          | 19   | 08    | 1999 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quốc tế học                  | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 63  | Huỳnh Thương Tính       | 07   | 07    | 1990 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Báo chí                      | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 64  | Nguyễn Thái Học         | 28   | 01    | 2004 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Kinh doanh quốc tế           | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 65  | Diệp Thị Thanh Hiếu     | 20   | 02    | 1999 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Công tác xã hội              | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 66  | Hoàng Xuân Phúc         | 14   | 10    | 1998 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quản lý nhà nước             | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 67  | Cao Tổ Như              | 15   | 01    | 2002 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Kinh doanh quốc tế           | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 68  | Nguyễn Thị Khánh Ngân   | 16   | 02    | 2003 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Công tác xã hội              | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 69  | Nguyễn Hoàng Trọng Hiếu | 19   | 01    | 2000 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quản trị kinh doanh tổng hợp | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 70  | Nguyễn Thị Ngọc Tiên    | 25   | 08    | 1998 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Báo chí                      | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 71  | Huỳnh Phạm Phương Trinh | 05   | 09    | 2001 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Xã hội học                   | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 72  | Huỳnh Anh Khoa          | 18   | 04    | 1999 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quản trị kinh doanh          | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 73  | Nguyễn Thị Kim Huệ      | 03   | 03    | 1997 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Công tác xã hội              | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |
| 74  | Nguyễn Phan Đức Tài     | 06   | 06    | 1988 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Thạc sĩ  | Quản trị kinh doanh          | Chuyên viên           | Phòng Công tác xã hội |

| STT                                   | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển     | Trình độ | Chuyên ngành           | Chức danh nghề nghiệp   | Đơn vị dự tuyển             |
|---------------------------------------|-----------------------|------|-------|------|-----------------------------|----------|------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 75                                    | Nguyễn Kiều Phương    | 26   | 12    | 2002 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Xã hội học             | Chuyên viên             | Phòng Công tác xã hội       |
| 76                                    | Hồng Oanh Phụng       | 29   | 03    | 1999 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Quản trị kinh doanh    | Chuyên viên             | Phòng Công tác xã hội       |
| 77                                    | Nguyễn Minh Toàn      | 04   | 02    | 1986 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Báo chí                | Chuyên viên             | Phòng Công tác xã hội       |
| 78                                    | Nguyễn Hoàng My       | 27   | 10    | 1999 | Lĩnh vực truyền thông, CTXH | Đại học  | Đông Nam Á học         | Chuyên viên             | Phòng Công tác xã hội       |
| <b>VỊ TRÍ KẾ TOÁN VIÊN (HẠNG III)</b> |                       |      |       |      |                             |          |                        |                         |                             |
| 1                                     | Trần Đình Dương       | 29   | 10    | 1986 | Tài chính, đấu thầu         | Đại học  | Kế toán                | Kê toán viên (hạng III) | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| 2                                     | Nguyễn Thị Hoàng Linh | 14   | 12    | 1990 | Tài chính, đấu thầu         | Đại học  | Kế toán                | Kê toán viên (hạng III) | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| 3                                     | Nguyễn Tuấn Anh       | 06   | 04    | 1995 | Tài chính, đấu thầu         | Đại học  | Kế toán                | Kê toán viên (hạng III) | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| 4                                     | Từ Anh Tuấn           | 06   | 09    | 1988 | Tài chính, đấu thầu         | Đại học  | Tài chính - ngân hàng  | Kê toán viên (hạng III) | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| 5                                     | Nguyễn Thị Ánh Vân    | 03   | 06    | 1990 | Tài chính, đấu thầu         | Đại học  | Kế toán                | Kê toán viên (hạng III) | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| <b>VỊ TRÍ CÁN SỰ</b>                  |                       |      |       |      |                             |          |                        |                         |                             |
| 1                                     | Đỗ Thị Phương Dung    | 26   | 04    | 1994 | Hành chính văn phòng        | Cao đẳng | Quản trị văn phòng     | Cán sự                  | Khoa Chẩn đoán hình ảnh     |
| <b>VỊ TRÍ KỸ SƯ HẠNG III</b>          |                       |      |       |      |                             |          |                        |                         |                             |
| 1                                     | Thiều Tấn Đạt         | 29   | 10    | 1997 | Kỹ thuật thiết bị Y tế      | Đại học  | Kỹ thuật điện- điện tử | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Vật tư, thiết bị Y tế |
| 2                                     | Nguyễn Văn Tiến Dũng  | 20   | 09    | 2002 | Kỹ thuật thiết bị Y tế      | Đại học  | Vật lý kỹ thuật        | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Vật tư, thiết bị Y tế |
| 3                                     | Nguyễn Thành Nghĩa    | 08   | 02    | 2001 | Kỹ thuật thiết bị Y tế      | Đại học  | Bảo dưỡng công nghiệp  | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Vật tư, thiết bị Y tế |
| 4                                     | Hàng Phước Thọ        | 24   | 08    | 1983 | Công nghệ thông tin         | Đại học  | Công nghệ thông tin    | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 5                                     | Nguyễn Văn Quốc Bảo   | 03   | 07    | 2001 | Công nghệ thông tin         | Đại học  | Công nghệ thông tin    | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 6                                     | Lê Huỳnh Phương Tùng  | 20   | 09    | 2001 | Công nghệ thông tin         | Đại học  | Công nghệ thông tin    | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 7                                     | Nguyễn Công Đạt       | 11   | 06    | 2001 | Công nghệ thông tin         | Đại học  | Công nghệ thông tin    | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 8                                     | Lê Văn Hùng           | 20   | 03    | 2001 | Công nghệ thông tin         | Đại học  | Kỹ thuật phần mềm      | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |

| STT                          | Họ và tên             | Ngày | Tháng | Năm  | Vị trí đăng ký dự tuyển       | Trình độ | Chuyên ngành                   | Chức danh nghề nghiệp   | Đơn vị dự tuyển             |
|------------------------------|-----------------------|------|-------|------|-------------------------------|----------|--------------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 9                            | Nguyễn Đình Thiên Hào | 11   | 03    | 1999 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Kỹ thuật điện tử viễn thông    | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 10                           | Kim Thái Phong        | 24   | 09    | 2000 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Kỹ thuật phần mềm              | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 11                           | Huỳnh Quang Bảo       | 05   | 09    | 2000 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Khoa học Công nghệ thông tin   | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 12                           | Nguyễn Trần Minh Trí  | 23   | 05    | 1994 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Công nghệ thông tin            | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 13                           | Võ Anh Tuấn           | 06   | 05    | 1987 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Công nghệ thông tin            | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 14                           | Mai Nguyễn Quốc Dũng  | 11   | 11    | 2003 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Công nghệ thông tin            | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 15                           | Phạm Xuân Vinh        | 17   | 01    | 2001 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Công nghệ thông tin            | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| 16                           | Trần Văn Phúc         | 08   | 06    | 2000 | Công nghệ thông tin           | Đại học  | Công nghệ thông tin            | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Công nghệ thông tin   |
| <b>KỸ THUẬT VIÊN HẠNG IV</b> |                       |      |       |      |                               |          |                                |                         |                             |
| 1                            | Trần Tấn Sang         | 11   | 06    | 1998 | Kỹ thuật thiết bị Y tế        | Cao đẳng | Kỹ thuật thiết bị y tế         | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| 2                            | Nguyễn Hoàng Hải      | 10   | 03    | 1995 | Kỹ thuật thiết bị Y tế        | Cao đẳng | Công nghệ chế tạo máy          | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Phòng Vật tư, thiết bị y tế |
| 3                            | Lê Thị Phương Tây     | 23   | 12    | 1986 | Dinh dưỡng thực phẩm chế biến | Đại học  | Công nghệ thực phẩm            | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Khoa Dinh Dưỡng             |
| 4                            | Trần Ngọc Nghi        | 24   | 11    | 2001 | Dinh dưỡng thực phẩm chế biến | Đại học  | Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Khoa Dinh Dưỡng             |
| 5                            | Lê Thanh Khoa         | 04   | 12    | 1982 | Dinh dưỡng thực phẩm chế biến | Cao đẳng | Công nghệ thực phẩm            | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Khoa Dinh Dưỡng             |

BỆNH VIỆN NHÂN DÂN GIA ĐỊNH

